TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HN-PT
Ngày: 21/01/2019
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan;

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10-12-2018 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"*.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 219/2018/HNGĐ-ST ngày 16-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2018/QĐ-PT ngày 11/12/2018, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1992; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

-*Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

-*Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lê Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

* *Nguyên đơn - chị Lê Thị Thu H trình bày:* Chị và anh Lê Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở mai mối, có sự tìm hiểu nhau trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mộ,

tỉnh Long An. Sau khi cưới anh chị chung sống với gia đình chồng, cuộc sống vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm với chồng và cha mẹ chồng, anh T không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 4 âm lịch năm 2018 cho đến nay anh chị sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 04/4/2012, hiện đang sống chung với chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn - anh Lê Văn T trình bày:* Về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống bình tH, không có mâu thuẫn gì. Việc vợ anh nói anh không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ, con là không đúng. Do còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn.

* Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 219/2018/HNGĐ-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

* Ngày 16/10/2018, nguyên đơn Lê Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; anh T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị H, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa, chị Lê Thị Thu H trình bày chị và anh Lê Văn T xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2011, quyển số 01/2011 ngày 18/10/2011. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị ở từ tháng 4 âm lịch năm 2018 cho đến nay. Tháng 7 năm 2018 chị H nộp đơn xin ly hôn, được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản án hôn nhân sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C nhận định: Theo chị H khai nguyên nhân mâu thuẫn là do chị có mâu thuẫn với cha chồng và anh T không quan tâm đến vợ con, còn anh T thì cho rằng chỉ có vợ anh và cha anh khắc khẩu, hay cự cãi nhau, anh chị đã bàn bạc về việc sẽ ra ở riêng nhưng khi chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thì chị H lại làm đơn xin ly hôn với anh T. Như vậy giữa anh T và chị H không có mâu thuẫn gì lớn và mâu thuẫn chưa đến mức độ trầm trọng. Đồng thời, hiện nay anh T cũng đồng ý ra ở riêng, cũng là điều kiện để anh chị hàn gắn đoàn tụ. Hơn nữa trong thời gian anh chị sống ly thân, chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì anh T vẫn đến thăm, có lần anh T ở lại một tuần. Xét thấy anh T vẫn còn thương yêu vợ và anh chị cũng chỉ mới sống ly thân thời gian ngắn. Để tạo điều kiện cho anh chị có thời gian hàn gắn đoàn tụ, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên chị H có đơn kháng cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình chồng, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ trầm trọng, khả năng hàn gắn vẫn còn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là để tạo điều kiện cho anh chị có thêm thời gian suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn, cùng nhau chăm sóc và nuôi dạy con tốt hơn. Chị H kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Thu H.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số 219/2018/HNGĐ-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H.

2/- Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08984 ngày 12/7/2018 và biên lai số 09351 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Cc THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thu Thủy